TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2025
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thụy Nhã P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A, Cư xá L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-01-2025, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Nhã P trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Văn N cưới nhau năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 08-7-2014; C sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc, mặc dù đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng còn sống chung.

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N;

Về nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 19-01-2016 và Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 31-5-2019, (đang sống với bà và ông N), yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/con chung từ khi án có hiệu lực đến khi từng con chung đủ 18 tuổi;

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết;

Về chia nợ chung: Không có.

- Vụ án không hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt;

- Ngày 07-4-2025, bà Nguyễn Thụy Nhã P có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt;

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thụy Nhã P khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Nguyễn Văn N; Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Bị đơn là ông N được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà P và ông N chung sống có đăng ký kết hôn ngày 08-7-2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông N là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà P: Bà P cho rằng bà và ông N phát sinh mâu thuẫn do do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc, mặc dù đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Tuy bà P không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn vợ chồng, nhưng xét từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, bà P và ông N không khắc phục được mâu thuẫn gia đình, bà P và ông N mỗi người vẫn tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau;

Ông N biết được việc bà P khởi kiện ly hôn nhưng không có ý kiến, không có mặt tham gia hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa, ông N không có ý chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà P và ông N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà P yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Ông N không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Xét về nuôi con chung:

[6.1] Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà P:

Xét 02 con chung tên Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 19-01-2016 và Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 31-5-2019, còn nhỏ tuổi, giới tính nữ, sống với bà P từ nhỏ, việc thay đổi môi trường sống, học tập, sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm lý, sinh lý của con chung; Việc mẹ chăm sóc cho con là nữ giới sẽ thuận tiện hơn cha chăm sóc, bà P yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung là có căn cứ, phù hợp nguyện vọng của con chung, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Ông N không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

Xét 02 con chung tên Hồng Y và Hồng Đ đang sống với bà P và ông N, do đó, ông N có nghĩa vụ giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[6.2] Xét về cấp dưỡng nuôi con:

Bà P yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/con chung, kể từ khi Q định/Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi là tự nguyện, phù hợp mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

Cần áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án đối với tất cả các số tiền phải thi hành án.

Ông N không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không có căn cứ xem xét.

[6.3] Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà P và ông N được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung: Bà P không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Ông N không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về chia nợ chung: Bà P trình bày không có nên không đề cập. Ông N không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được

quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà P đã nộp đủ án phí; Ông N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Nhã P được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Nguyễn Thụy Nhã P được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 19-01-2016 và Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 31-5-2019, (đang sống với bà P và ông Nguyễn Văn N);

Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ giao 02 con chung tên Nguyễn Hồng Y, và Nguyễn Hồng Đ cho bà Nguyễn Thụy N1 P trực tiếp nuôi khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/con chung, kể từ khi Q định/Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015

2.3. Ông N được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà P và ông N được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình..

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết;

4. Về chia nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thụy Nhã P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004938 ngày 23-01-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, bà P đã nộp đủ án phí;

6. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Mỹ Thạnh Đông (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương